

Mai Thị Hoa, Nguyễn Thị Phương Thanh, Nguyễn Thị Dung, Đỗ Ngọc Phương Anh (2024). Xây dựng bộ tiêu chí đo lường chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. *Tạp chí nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 01(2024), 64-71

*Tạp chí Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển*

Bài báo khoa học

© Học viện
Chính sách
và Phát triển 2024
© CSR,2024

Xây dựng bộ tiêu chí đo lường chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Mai Thị Hoa (TS)

Nguyễn Thị Phương Thanh (ThS)

Nguyễn Thị Dung (ThS)

Đỗ Ngọc Phương Anh (ThS)

Học viện Chính sách và Phát triển

Email: maihoatctt@gmail.com

Tóm tắt:

Báo cáo tài chính (BCTC) là sản phẩm của quá trình lập, trình bày và cung cấp thông tin của một đơn vị kế toán. Trong đó, BCTC của các doanh nghiệp niêm yết (DNNY) được quan tâm từ nhiều nhóm đối tượng khác nhau, không chỉ là ban lãnh đạo doanh nghiệp mà BCTC còn được quan tâm đặc biệt từ các nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích, các đối tác, các cơ quan quản lý. Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) và Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Tài chính (FASB) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của báo cáo tài chính chất lượng cao. Thông tin công bố trên BCTC của các DNNY ảnh hưởng trực tiếp tới quyết định và niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây những vụ sai phạm lớn liên quan đến việc cung cấp thông tin trên BCTC như Tập đoàn FLC (FLC Faros), Tập đoàn Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát, Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành... đã rung lên hồi chuông cảnh báo chất lượng BCTC của các DNNY cũng như chất lượng kiểm toán BCTC. Do vậy, bằng phương pháp tổng thuật, phân tích tài liệu, nhóm tác giả tổng hợp các quan niệm về chất lượng thông tin trên BCTC, cũng như các phương pháp đo lường chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY, trên cơ sở đó nhóm tác giả xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY trên thị trường chứng khoán Việt Nam giúp các đối tượng sử dụng BCTC có thêm bộ công cụ để đánh giá chất lượng của thông tin trên BCTC của các DNNY trước khi đưa ra các quyết định kinh tế đồng thời góp phần nâng cao niềm tin của nhà đầu tư đối với thị trường chứng khoán.

Từ khóa: *Financial report; Information quality; Stock market*

Ngày nhận bài:

05/03/2024

Bản sửa lại lần 1:

25/04/2024

Ngày duyệt bài:

05/05/2024

Mã số: TC060124

Abstract:

Financial statements (financial statements) are the product of the process of preparing, presenting and providing information of an accounting unit. In particular, the financial statements of listed enterprises (DNNY) receive attention from many different target groups, not only the business leadership but also the financial statements also receive special attention from investors and analysis experts. analysts, partners, and management agencies. The International Accounting Standards Board (IASB) and the Financial Accounting Standards Board (FASB) also emphasize the importance of high-quality financial reporting. Information published on the financial statements of listed companies directly affects investors' decisions and confidence in the stock market. However, in recent times there have been major violations related to the provision of information on financial statements such as FLC Group (FLC Faros), Tan Hoang Minh Group, Van Thinh Phat, Truong Thanh group Joint Stock Company... has rung the warning bell about the quality of financial statements of listed companies as well as the quality of audited financial statements. Therefore, using the method of summarizing and analyzing documents, the authors synthesize concepts of information quality on financial statements, as well as methods of measuring information quality on financial statements of listed enterprises, on the basis of Based on that, the authors developed a set of criteria to evaluate the quality of information on the financial statements of listed companies on the Vietnamese stock market helps users of financial statements have an additional set of tools to evaluate the quality of information on financial statements of listed companies before making economic decisions and at the same time contributes to improving investor confidence in the stock market.

Keywords: Financial report; Accounting Standards; regulatory environment

1. Đặt vấn đề

Mục tiêu chính của BCTC là cung cấp thông tin chất lượng cao về các đơn vị báo cáo, có thể được sử dụng để ra quyết định kinh tế (Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Tài chính [FASB], 1999, 2010; Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế [IASB], 2010). Cung cấp thông tin chất lượng cao như vậy là rất quan trọng, bởi vì nó có thể ảnh hưởng tích cực đến các nhà cung cấp vốn hiện tại và tiềm năng và các bên liên quan khác khi đầu tư, quyết định tín dụng và phân bổ các nguồn lực có thể nâng cao hiệu quả thị trường vốn tổng thể (IASB, 2008; 2010). Mặc dù cả FASB và IASB đều nhấn mạnh tầm quan trọng của các báo cáo tài chính chất lượng cao, nhưng thường có những hạn chế lớn về phương pháp luận khi đánh giá và đánh giá tính hữu ích của báo cáo tài chính.

Chất lượng thông tin trên BCTC chính là chất lượng của sản phẩm do công tác kế toán tài chính tạo ra thông qua quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin kế toán. Để có cơ sở xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng của thông tin trên BCTC, nhóm tác giả tổng hợp các quan điểm về chất lượng thông tin trên BCTC qua các quan điểm tiếp cận khác nhau của các tổ chức quốc tế.

(1) Quan điểm của Hội đồng chuẩn mực Kế toán quốc tế (IASB)

Để đánh giá chất lượng của thông tin trên BCTC, quan điểm của IASB dựa vào các tiêu chí: có thể hiểu được, thích hợp, đáng tin cậy và có thể so sánh được và kịp thời.

Có thể hiểu được: Người đọc được giả thiết là có một kiến thức nhất định về kinh tế, kinh doanh, kế toán và thiện chí, nỗ lực để đọc BCTC. Tuy nhiên, thông tin về một vấn đề phức tạp nhưng cần thiết cho việc ra quyết định không được loại trừ khỏi BCTC chỉ vì nó khó hiểu đối với một số đối tượng sử dụng.

Thích hợp: Thông tin có chất lượng khi nó thích hợp với nhu cầu đưa ra quyết định của người sử dụng. Thông tin thích hợp khi nó có

thể giúp người đọc đánh giá quá khứ, hiện tại hoặc tương lai, hoặc xác nhận, điều chỉnh các đánh giá trước đó.

Tính thích hợp bao gồm tính dự đoán và tính xác nhận, hai đặc điểm này quan trọng với nhau. Tính thích hợp của thông tin phụ thuộc vào nội dung và tính trọng yếu.

Thông tin được coi là trọng yếu khi sự sai lệch hay bỏ sót nó có thể gây ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng BCTC. Tính trọng yếu phụ thuộc vào số tiền và thông tin hoặc sai sót hay sự đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể. Trọng yếu không phải là một tiêu chuẩn chất lượng mà là một ngưỡng phân cách.

Đáng tin cậy: Đáng tin cậy nghĩa là không có sai sót trọng yếu và không bị thiên lệch, đồng thời phản ánh trung thực vấn đề cần trình bày. Thông tin có thể thích hợp nhưng không đáng tin cậy.

Có thể so sánh được: Thông tin trên BCTC có chất lượng khi có thể so sánh được với năm trước, với doanh nghiệp khác. Để có thể so sánh được, BCTC phải:

- Áp dụng các nguyên tắc kế toán nhất quán.
- Khai báo về chính sách kế toán sử dụng trên BCTC.

Kịp thời: Thông tin luôn sẵn có để giúp những người sử dụng BCTC kịp đưa ra các quyết định. Thông thường, những thông tin cũ thường kém hữu ích hơn, tuy nhiên một số thông tin vẫn có tính kịp thời sau khi kết thúc kỳ báo cáo một thời gian.

(2) Quan điểm của Hội đồng chuẩn mực Kế toán tài chính Mỹ (FASB)

Đối với FASB, trước tháng 9/2010, chất lượng của thông tin trên BCTC được đánh giá qua các đặc điểm: tính phù hợp, tính đáng tin cậy và khả năng so sánh được.

Tính phù hợp (tính thích hợp): Thông tin kế toán là thích hợp khi nó có khả năng thay đổi quyết định của người sử dụng. Để đảm bảo tính thích hợp, thông tin phải: Có giá trị dự đoán hay đánh giá và kịp thời.

Tính đáng tin cậy: Thông tin kế toán đáng tin cậy trong phạm vi nó có thể kiểm chứng, khi được trình bày trung thực và không có sai sót hoặc thiên lệch. Khả năng so sánh được: Thông tin kế toán phải được đo lường và báo cáo theo cùng một phương thức để có thể so sánh được giữa các doanh nghiệp.

Cùng với xu hướng hội tụ kế toán thì từ tháng 9/2010, quan điểm đánh giá chất lượng thông tin trên BCTC của FASB cũng tương tự như IASB.

Tóm lại, từ các quan điểm tiếp cận trên, có thể thấy rằng, chất lượng thông tin trên BCTC có thể được đánh giá thông qua các đặc điểm: Thích hợp, tin cậy, có thể so sánh, kịp thời, dễ hiểu.

2. Tổng quan nghiên cứu về các phương pháp đo lường chất lượng báo cáo tài chính

Đánh giá chất lượng thông tin trên BCTC không phải là một thủ tục đơn giản. Chất lượng của báo cáo tài chính không thể được quan sát trực tiếp phụ thuộc vào nhiều yếu tố hữu hình và vô hình và gắn với bối cảnh cụ thể. Một nhóm phương pháp đo lường chất lượng BCTC tập trung vào chất lượng của các yếu tố thông tin tài chính và phi tài chính cụ thể được công khai trong BCTC hàng năm. Điển hình về loại nghiên cứu này là các nghiên cứu kiểm tra mối liên quan giữa tính hữu ích quyết định của thông tin báo cáo tài chính và việc sử dụng giá trị hợp lý (Hirst, Hopkins, & Wahlen, 2004; Koonce, Nelson, & Shakespeare, 2011), giữa chất lượng kiểm soát nội bộ và rủi ro tiết lộ thông tin (Dobler, Lajili, & Zéghal, 2012; Beretta & Bozzolan, 2004), và báo cáo của kiểm toán viên (Gray, Turner, Coram, & Mock, 2011; Gaeremynck & Willekens, 2003). Như vậy, các phương pháp đo lường chất lượng thông tin như trên không đưa ra đánh giá toàn diện về chất lượng báo cáo tài chính. Có một số nghiên cứu khác nhằm mục đích đưa ra một phép đo toàn diện về tính hữu ích của quyết định bằng cách đánh giá chất

lượng của các khía cạnh khác nhau của thông tin trên BCTC, bao gồm cả thông tin tài chính và phi tài chính. Điển hình như các công trình nghiên cứu của Jonas và Blanchet (2000), Lee, Strong, Kahn và Wang (2002), và McDaniel et al. (2002) đã phát triển các câu hỏi về các đặc điểm định tính riêng biệt để đánh giá chất lượng thông tin. Theo nghiên cứu của Ferdy van Beest và G.B, ‘Suzanne Boelens (2009), tác giả cho chất lượng BCTC được đo lường thông qua các tiêu chí đánh giá chất lượng của thông tin trên BCTC, bao gồm các đặc tính của thông tin như: Sự phù hợp, Sự trung thực khách quan, sự dễ hiểu, so sánh được và kịp thời. Một số công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến đo lường chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính được kể đến như: Nguyễn Đình Hùng (2010) nghiên cứu về hệ thống kiểm soát tính minh bạch thông tin tài chính của các DNNY, cho rằng thông tin trên BCTC phải được trình bày và công bố theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các quy định về công bố thông tin hiện hành. Trong nghiên cứu của mình tác giả cũng đưa ra quan điểm về tính chất lượng thông tin bao gồm các đặc tính như: Kịp thời, đầy đủ, chính xác, nhất quán và thuận tiện. Nguyễn Trọng Nguyên (2016) và Phạm Quốc Thuần (2016) nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên BCTC. Tác giả cho rằng thông tin tài chính có chất lượng thì phải bao gồm các đặc tính như: Thích hợp, trung thực, so sánh, dễ hiểu và kịp thời.

Cho đến nay cũng chưa có bộ tiêu chí chính thức nào về đánh giá chất lượng thông tin trên BCTC được công bố áp dụng tại Việt Nam, mà chủ yếu là vận dụng trên cơ sở kế thừa từ các nghiên cứu của nước ngoài, tùy vào phạm vi nghiên cứu cũng như cách tiếp cận mà bộ tiêu chí đánh giá của mỗi công trình cũng chưa được nhất quán, vẫn còn rời rạc. Do vậy, việc nghiên cứu để xây dựng một bộ tiêu chí đánh giá chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY mang tính hệ thống bao hàm đầy đủ các đặc tính chất lượng của thông tin trên BCTC là rất cần thiết.

3. Xây dựng bộ tiêu chí đo lường chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Trên cơ sở tổng quan những quan điểm và phương pháp đánh giá chất lượng thông tin trên BCTC của những công trình trong nước và quốc tế, nhóm tác giả sử dụng phương pháp định tính trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu về trình bày và công bố thông tin trên BCTC theo các quy định của chuẩn mực kế toán và quy định về công bố thông tin tại Việt Nam theo hướng tiếp cận với chuẩn mực kế toán quốc tế. Do vậy, tác giả sẽ lựa chọn kết hợp phương pháp đo lường chất lượng của thông tin trên BCTC của Ferdy van Beest và các công sự (2009) dựa trên quan điểm của FASB và IASB và nghiên cứu của Jonas và Blanchet (2000) đồng thời kế thừa phương pháp đo lường các đặc tính minh bạch thông tin trên BCTC trong các nghiên cứu trong nước như của Nguyễn Trọng Nguyên (2013), Phạm Quốc Thuần (2016) để có được bộ thang đo phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam trên cơ sở đáp ứng được các đặc tính chất lượng thông tin trên BCTC là: *Sự Thích hợp, Sự tin cậy, so sánh, kịp thời và dễ hiểu dễ tiếp cận (Sự Thuận tiện)*. Bộ tiêu chí đo lường bao gồm 5 đặc tính đại diện cho tính minh bạch thông tin trên BCTC tương ứng với 25 thuộc tính đo lường, cụ thể như sau:

Đặc tính Thích hợp

Thông tin được cho là thích hợp khi nó có khả năng tạo ra sự khác biệt trong quyết định của người sử dụng thông tin với tư cách là người cung cấp vốn cho doanh nghiệp. Để đạt được điều này thông tin thích hợp cần phải có giá trị dự báo, giá trị xác nhận hoặc cả hai (IASB). Các thông tin trình bày trên BCTC phải thích hợp với nhu cầu ra quyết định của người sử dụng. Từ việc sử dụng những thông tin này, họ có thể nhận xét, đánh giá được những sự kiện và kết quả của doanh nghiệp, có phương hướng thực hiện trong tương lai nhằm đạt tới mục tiêu đã (VAS21). Tính thích hợp được hiểu là sử dụng cho đại đa số các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông

khác nhau chứ không phải đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng đối tượng sử dụng. Có 5 thuộc tính tạo nên sự thích hợp của thông tin trên BCTC.

Đặc tính Sự tin cậy

Thông tin kế toán đáng tin cậy trong phạm vi nó có thể kiểm chứng, khi được trình bày trung thực và không có sai sót hoặc thiên lệch. Tức là thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo trên cơ sở các bằng chứng đầy đủ, khách quan và đúng với thực tế về hiện trạng, bản chất nội dung và giá trị nghiệp vụ về kinh tế phát sinh, không có sai sót, không bị xuyên tạc hay bóp méo (IASB, 2010). Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây, Sự tin cậy của thông tin trên BCTC được đo lường bằng việc sử dụng 7 thuộc tính tập trung vào các nội dung: trung lập, không sai sót trọng yếu và có thể kiểm chứng (Cohen et al., 2004; Rezaee, 2003; Jonas và Blanchet, 2000; Kim et al., 2009).

Đặc tính Dễ hiểu, dễ tiếp cận (Sự thuận tiện)

Thông tin trên BCTC phải sẵn có để cung cấp cho tất cả những người có quan tâm một cách kịp thời và phải được tiếp cận dễ dàng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, dữ liệu BCTC phải được cung cấp ở các file định dạng khác nhau để tiện sử dụng khi phân tích thông tin. Việc trì hoãn hay giới hạn việc tiếp cận thông tin đều làm giảm chất lượng thông tin công bố. Thông tin và số liệu trình bày trên BCTC phải rõ, dễ hiểu với người sử dụng. Người sử dụng ở đây được hiểu là người có hiểu biết về kinh doanh, kinh tế, tài chính kế toán ở mức trung bình. Thông tin về những vấn đề phức tạp trong báo cáo tài chính phải được giải trình, chú thích, diễn giải trên thuyết minh BCTC. Có 5 thuộc tính tạo nên sự thuận tiện của thông tin trên BCTC.

Đặc tính Có thể so sánh được

Đặc tính có thể so sánh được của thông tin có nghĩa thông tin giúp cho người sử

dụng xác định được sự giống hoặc khác nhau giữa hai hiện tượng kinh tế. Để đảm bảo khả năng có thể so sánh, các thông tin phải nhất quán. Nhất quán yêu cầu các chính sách và phương pháp kế toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh BCTC. Đặc tính có thể so sánh được là mục tiêu, còn tính nhất quán là phương tiện giúp đạt được mục tiêu này (IASB 2010). Vì vậy, các nghiên cứu trước đây khi đo lường đặc tính có thể so sánh nhằm vào 5 thuộc tính, tập trung vào tính nhất quán của thông tin. Trong đó, 2 thuộc tính nhằm vào tính nhất quán khi đề cập đến phương pháp kế toán và chính sách mà DN đang áp dụng (Jonas và Blanchet, 2000), 3 thuộc tính còn lại đo lường đặc tính có thể so sánh thông qua việc cung cấp thêm về tỷ số tài chính, đồ thị, biểu đồ đồng thời giải thích cho những điều chỉnh hồi tố, Ferdy van Beest (2009) cho rằng việc BCTC càng cung cấp số liệu của nhiều kỳ kế toán trước đó thì sẽ gia tăng đặc tính so sánh của những thông tin trên BCTC, giúp người sử dụng thông tin có thể so sánh theo các chỉ số theo chuỗi thời gian một cách thuận tiện.

Thang đo đặc tính kịp thời

Thông tin đảm bảo tính kịp thời có nghĩa thông tin được công bố trong một khoảng thời gian hợp lý trước khi nó mất khả năng ảnh hưởng đến quyết định. Tính kịp thời được đo lường từ ngày kết thúc thời hạn nộp báo cáo theo quy định. Theo quy định tại Điều 11, Thông tư 155/2015-BTC hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có quy định về thời hạn công bố bản giải trình nguyên nhân khi có sự thay đổi về lợi nhuận sau thuế từ 10% so với kỳ trước hoặc lợi nhuận trong kỳ báo cáo bị lỗ. Có 3 thuộc tính tạo nên tính kịp thời.

Dưới đây là bảng tổng hợp 26 thuộc tính đo lường 5 đặc tính đại diện cho tính minh bạch của thông tin trên BCTC đã được mã hoá.

Bảng 1: Bộ tiêu chí đo lường chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY trên thị trường chứng khoán Việt Nam

STT	Mã	Tên các đặc tính
	R	Sự thích hợp
1	R1	BCTC có trình bày các thông tin phi tài chính (cơ hội rủi ro) ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư.
2	R2	BCTC cung cấp các thông tin định hướng tương lai rất hữu ích cho người sử dụng thông tin
3	R3	BCTC trình bày cụ thể về kết quả kinh theo theo bộ phận (theo từng lĩnh vực hay từng khu vực địa lý)
4	R4	DN áp dụng giá trị hợp lý đối với một số các khoản mục theo đúng quy định hiện hành.
5	R5	Trong bản thuyết minh BCTC, DN có thuyết minh, giải trình thêm các thông tin khác giúp người sử dụng hiểu được sự tác động của các giao dịch cụ thể trong quá khứ hoặc các diễn biến của thị trường ảnh hưởng tới DN trong việc đưa ra quyết định kinh tế.
	F	Sự tin cậy
6	F1	BCTC cung cấp các giả định và ước tính kế toán có căn cứ.
7	F2	BCTC cung cấp thêm các thông tin về quản trị doanh nghiệp
8	F3	BCTC của DN được kiểm toán viên độc lập đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.
9	F4	BCTC cung cấp và đánh giá các sự kiện ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến kết quả kinh doanh trong năm báo cáo (trình bày không thiên lệch)
10	F5	BCTC cung cấp đầy đủ thông tin về các bên liên quan
11	F6	BCTC của doanh nghiệp được công bố chính xác & nhất quán (số liệu trước & sau kiểm toán không sai lệch nhiều).
12	F7	Các chính sách kế toán được lựa chọn và áp dụng phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
	U	Dễ hiểu, dễ tiếp cận (Sự thuận tiện)
13	U1	BCTC được trình bày theo đúng mẫu quy định (theo thứ tự rõ ràng, có thuyết minh đầy đủ)
14	U2	Các thuyết minh cho bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh được trình bày chi tiết, cụ thể, rõ ràng
15	U3	Ngôn ngữ trong BCTC sử dụng dễ hiểu, khi sử dụng các thuật ngữ đặc thù thì có giải thích đính kèm.

16	U4	DN cung cấp nhiều kênh giúp nhà đầu tư tiếp cận thông tin. (thông qua báo cáo thường niên, website của Sở GD&ĐT, ấn phẩm, báo chí và báo cáo phân tích tóm tắt)
17	U5	DN có trang website cập nhật thường xuyên và đầy đủ thông tin được công bố.
18	U6	DN công bố BCTC bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt
	C	So sánh được
19	C1	BCTC có phân tích các chỉ số tài chính và có biểu đồ, đồ thị minh họa giúp so sánh với các năm trước và với DN khác.
20	C2	Tất cả các phương pháp và chính sách kế toán trong BCTC đều được kiểm toán viên chấp nhận sau khi kiểm tra thông tin.
21	C3	BCTC cung cấp giải thích cho những điều chỉnh hồi tố số liệu BCTC các kỳ trước có ảnh hưởng đến BCTC năm hiện hành.
22	C4	BCTC so sánh thông tin năm tài chính hiện hành với các năm trước và có so sánh với thông tin của ngành.
23	C5	DN sử dụng nhất quán các phương pháp và chính sách kế toán, nếu có thay đổi thì có trình bày lý do thay đổi.
	T	Tính Kịp thời
24	T1	BCTC năm của DN được công bố kịp thời sau ngày kết thúc năm tài chính.
25	T2	DN công bố kịp thời những thông tin bất thường ảnh hưởng đến thông tin trên BCTC
26	T3	DN công bố kịp thời bản giải trình nguyên nhân khi có sự thay đổi về lợi nhuận sau thuế từ 10% so với kỳ trước hoặc khi lợi nhuận trong kỳ báo cáo bị lỗ...

4. Kết luận

Bài viết tổng quan các nghiên cứu về chất lượng thông tin trên BCTC và phương pháp đo lường chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY. Từ đó, nhóm tác giả xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng báo cáo tài chính của các DNNY trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây là cơ sở để nhóm tác giả vận dụng để kiểm định chất lượng thông tin trên BCTC

của các DNNY trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới khi hoàn thành phiếu khảo sát. Đồng thời bài viết gợi mở hướng nghiên cứu tiếp theo về xây dựng mô hình định nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên BCTC của các DNNY và ảnh hưởng của hoạt động này đến tính hiệu quả của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2015), *Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*, Thông tư số 55/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015;
2. Bộ Tài chính (2012, 2017), *Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng*;
3. Mai Thị Hoa (2020), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tín minh bạch thông tin trên BCTC của các DNNY trên TTCK Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, ĐH Thương Mại;
4. Nguyễn Đình Hùng (2010), *Hệ thống kiểm soát sự minh bạch thông tin tài chính công bố của các công ty niêm yết tại Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
5. Nguyễn Phúc Sinh (2008), *Nâng cao tính hữu ích trong BCTC doanh nghiệp Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
6. Phạm Quốc Thuận (2016), *Các yếu tố tác động đến chất lượng thông tin BCTC trong các DN Việt Nam*;
7. Bùi Thị Thủy (2014). *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Đại học KTQD;
8. Abdullah, Z., Almsafir, M. and Al-Smadi, A (2015) *Transparency and Reliability in Financial Statement: Do They Exist? Evidence from Malaysia*, Open Journal of Accounting, 4, 29-43;
9. Cohen, J., Krishnamurthy, G. and Wright, A. (2004). The corporate governance mosaic and financial reporting quality. *Journal of Accounting Literature*, (23): 87-152.
10. Ferdý Van Beest và G. B. Suzanne Boelens (2009), “*Quality of Financial Reporting: measuring qualitative characteristics*”, NICE working paper-Nijmegen Center for Economics, 9-108, [http://www.ru.nl/nice/working paper](http://www.ru.nl/nice/working paper;);
11. Jonas, G. and Blanchet, J. (2000). Assessing quality of financial reporting. *Accounting Horizons*, 14(3): 353-363.
12. Hirst, D., Hopkins, P. and Wahlen, J. (2004). Fair values, income measurement, and bank analysts’ risk and valuation judgments. *The Accounting Review*, 79(2): 453- 472.
13. International Accounting Standards Board (2008). *Exposure draft on an improved conceptual framework for financial reporting: The Objective of Financial Reporting and Qualitative Characteristics of Decision-Useful Financial Reporting Information*. London: IASB, pp. 1-64.
14. Rezaee, Z. (2003). High-quality financial reporting: the six-legged stool. *Strategic Finance*, 84(8): 16-30
15. Standard & Poor’s, (2004). *Transparency and disclosure in Hong Kong*. <http://www.cgfrc.nus.edu.sg>
16. Abdullah, Z., Almsafir, M. and Al-Smadi, A (2015) *Transparency and Reliability in Financial Statement: Do They Exist? Evidence from Malaysia*, Open Journal of Accounting, 4, 29-43;
17. Ferdý Van Beest và G. B. Suzanne Boelens (2009), “*Quality of Financial Reporting: measuring qualitative characteristics*”, NICE working paper-Nijmegen Center for Economics, 9-108, [http://www.ru.nl/nice/working paper](http://www.ru.nl/nice/working paper;);
18. Standard & Poor’s, (2004). *Transparency and disclosure in Hong Kong*. <http://www.cgfrc.nus.edu.sg>